

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **48/2023/DS-ST**

Ngày: 27-7-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Diệp
2. Bà Đinh Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST- DS ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp B, xã S, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp Đ, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ liên hệ: số E, Ô F, khu G, thị trấn H, Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Phạm Hoàng B, sinh năm 1987;

2.2. Chị Lê Thị Băng C, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: số X, ấp N, xã Tân T, Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Chị N, anh B, chị C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 06/7/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Bà Phạm Thị A là cô ruột của anh Phạm Hoàng B. Bà A có cho vợ chồng anh B và chị Lê Thị Băng C vay nhiều lần tiền, lãi suất vay thỏa thuận là 4%/ tháng. Đến ngày 13/12/2020, anh B và chị C đã tổng kết số tiền còn nợ bà A là 950.000.000 đồng. Chị C có viết giấy tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền” và ký tên đưa cho bà A giữ làm tin. Trong thời gian qua, anh B và chị C chỉ trả được 20.000.000 đồng tiền lãi. Kéo dài đến nay, anh B và chị C vẫn chưa trả số tiền vốn vay 950.000.000 đồng cho bà A.

Nay bà A yêu cầu anh B và chị C chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền còn nợ là 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không đồng ý căn trừ số tiền 20.000.000 đồng vào tiền gốc.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C cùng trình bày:

Anh chị là vợ chồng. Anh chị kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Tân T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre và cùng mở tiệm làm tóc, vợ chồng anh chị làm ăn chung, không có làm ăn riêng. Thời gian sau này, anh chị cần vốn sửa chữa nhà, mua bán mỹ phẩm nên mới hỏi vay tiền của bà A. Bà A là cô ruột của anh Phạm Hoàng B. Anh chị vay nhiều lần nhưng do là người trong gia đình nên việc vay tiền không làm giấy tờ. Thời gian bắt đầu vay tiền là từ tháng 7/2018; lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 4%/tháng. Anh chị có trả lãi cho bà A được tổng cộng 1.114.000.000 đồng. Tiền lãi anh chị trả trực tiếp cho bà A nhưng hai bên không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến, anh chị chỉ chuyển khoản cho bà A một lần là 20.000.000 đồng nên mới còn giấy tờ nộp cho Tòa án. Đối với các khoản trả lãi khác anh chị không có chứng cứ gì để chứng minh.

Ngày 13/12/2020, anh chị đã tổng kết số tiền còn nợ bà A là 950.000.000 đồng và có viết giấy tay có tiêu đề “Giấy mượn tiền” và ký tên đưa cho bà A giữ làm tin. Nay anh chị xin bà A xem xét lại phần lãi mà anh chị đã trả để trừ vào tiền vốn tương đương 500.000.000 đồng. Anh chị sẽ trả cho bà A số tiền vốn vay là 450.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh B và chị C xác định tiền lãi mỗi tháng là 5%/tháng và anh chị đã đóng lãi cho bà A được 30 tháng với số tiền là 1.425.000.000 đồng (47.500.000 đồng/tháng x 30 tháng), trước đây do nguyên đơn thừa nhận lãi suất 4%/tháng nên anh chị mới xác định số tiền đóng lãi là 1.114.000.000 đồng (38.000.000 đồng/tháng x 30 tháng). Số tiền lãi này anh B và chị C tự tính toán và nhân ra thành tiền chứ anh chị không có chứng cứ gì chứng minh đã đóng lãi cho bà A được như số tiền đã trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

bà Phạm Thị A đối với anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C. Buộc anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị A số tiền là 950.000.000 đồng. Ghi nhận bà Phạm Thị A không yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên. Án phí dân sự sơ thẩm anh B, chị C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Giao dịch mà bà Phạm Thị A với anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C xuất phát từ thỏa thuận vay tiền nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C đang cư trú tại xã Tân T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị A vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, phía bị đơn anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C không có yêu cầu phản tố.

[2] Xem xét về giao dịch đã ký kết:

Tại phiên tòa, các bên đương sự thống nhất đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị A với anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C. Bà A trình bày do là người thân trong gia đình nên bà có cho vợ chồng anh B, chị C vay số tiền 950.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Sơn và chị Tâm cũng thừa nhận nội dung này, nên được xem là cơ sở pháp lý, từ cơ sở này đã xác định được anh B và chị C có nợ bà Phạm Thị A số tiền 950.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn anh B, chị C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền vay là 950.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính tờ “giấy mượn tiền” ngày 13/12/2020 có chữ ký của chị Lê Thị Băng C.

Anh B và chị C là vợ chồng, kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Từ trước đến nay, vợ chồng anh B, chị C cùng mở tiệm làm tóc làm ăn chung, cùng phát triển kinh tế gia đình, cả hai không có làm ăn riêng, anh chị cần vốn mua bán mỹ phẩm nên hỏi vay tiền của bà A từ đó có căn cứ xác định anh B và chị C có liên quan đến nhau trong việc vay tiền của bà A. Do đó, cần buộc anh B và chị C có trách nhiệm liên đới cùng trả số nợ này cho bà A.

Qua giao dịch này thấy rằng anh B, chị C đã sử dụng hết quyền nhận tài sản nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng, bà A khởi kiện anh B,

chị C vi phạm hợp đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, buộc anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị A số tiền 950.000.000 đồng là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên toà, anh B và chị C xác định thời gian bắt đầu vay tiền là từ tháng 7/2018; lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Anh chị có trả lãi cho bà A được tổng cộng 1.425.000.000 đồng. Tiền lãi anh chị trả trực tiếp cho bà A nhưng hai bên không làm giấy tờ và cũng không có ai chứng kiến, anh chị chỉ chuyển khoản cho bà A một lần với số tiền là 20.000.000 đồng nên mới còn giấy tờ nộp cho Toà án và xác định số tiền 20.000.000 đồng này là tiền lãi trả một phần cho bà A chứ không phải là số tiền lãi của một tháng. Đối với các khoản trả lãi khác anh chị trình bày không có chứng cứ gì để chứng minh, anh chị xin bà A xem xét lại phần lãi mà anh chị đã trả để trừ vào tiền vốn tương đương 450.000.000 đồng. Anh chị sẽ trả cho bà A số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn chỉ đồng ý việc có nhận tiền lãi từ vợ chồng anh B, chị C số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 19/8/2021, ngoài ra không còn nhận khoản tiền lãi nào khác. Hơn nữa, nguyên đơn trình bày thời gian vay tiền là từ năm 2020 cho đến nay, phía nguyên đơn chỉ đồng ý có nhận tiền lãi là 20.000.000 đồng chứ không thừa nhận số tiền 20.000.000 đồng này nhận của anh B, chị C là tiền lãi một tháng và không đồng ý cản trừ nên không có căn cứ để xem xét cản trừ lãi; anh B và chị C trình bày có đóng lãi cho bà A, Toà án đã ra Thông báo về việc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng anh B và chị C lại không có chứng cứ để chứng minh việc có trả lãi hàng tháng cho bà A và anh chị cũng không có yêu cầu Toà án tính lại lãi nên những lời trình bày của anh B và chị C không có cơ sở để xem xét. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi số tiền vay nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A được chấp nhận nên anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C phải liên đới chịu án phí với số tiền là 40.500.000 đồng.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị A đối với anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C.

Buộc anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị A số tiền là 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Phạm Hoàng B và chị Lê Thị Băng C phải liên đới chịu án phí là 40.500.000 (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn) đồng và còn phải nộp số tiền này.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà bà Phạm Thị A đã nộp là 20.250.000 (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0010844 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Trần Phương Thảo